

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 5 (HẠ)

Quyển thứ chín nói “Phật tánh của phàm phu như trâu mới sanh, máu và sữa chưa phân biệt, Phật tánh của Thanh văn như sữa tinh khiết, Phật tánh của Bích chi Phật như vị Lạc, Phật tánh của Bồ-tát như Sanh tô và Thục tô, còn Phật như Đề hồ. Đây là ví dụ cho năm vị của Biệt giáo. Sữa dụ cho vô minh, máu dụ cho bốn trụ địa phiền não. Do phàm phu đều có đủ các phiền não này cho nên gọi là máu sữa lẫn lộn. Hàng Thập Trụ đã đoạn trừ máu huyết của bốn trụ địa phiền não khiến ngang bằng với địa vị nhị thừa cho nên nói “Thanh văn như sữa thuần tịnh”. Tâm sau của Thập Trụ với lý rõ ràng và trí tuệ lạnh lợi tức thuộc hàng Bích chi Phật xâm hại tập phiền não cho nên nói như vị Lạc. Thập Hạnh do phá trừ Trần-sa hoặc nên như Sanh tô. Thập Hồi hương phá trừ Trần-sa hoặc của ngoại giới nên như Thục tô. Do vậy mà nói Bồ-tát như Sanh tô, Thục tô. Hàng Đẳng địa Bồ-tát do phá trừ vô minh hiển bày Phật tánh khiến đạt được một thân biến hóa vô lượng thân trùm khắp trăm thế giới của Phật với tám tướng làm Phật cho nên nói “Phật như Đề hồ”. Phẩm hai mươi lăm nói “trên núi tuyết có một loại cỏ tên là Nhẫn nhục. Nếu trâu ăn loại cỏ này tức đạt được vị đề hồ”. Trâu là dụ cho phàm phu còn cỏ là dụ cho Bát chánh đạo. Nếu luôn tu Bát chánh đạo tức thấy được Phật tánh nên gọi là Đề hồ. Đây là ví dụ cho Viên giáo. Nếu thực hành đại đạo chánh trực, quán sát tất cả chúng sanh tức là tướng Niết-bàn không thể diệt Tín và Hạnh viên mãn không còn có thể do đó mà trải qua, tách biệt, nên ở trong một đời lập tức nhập vào Sơ trụ và được thấy Phật tánh. Như trâu ăn cỏ “Nhẫn nhục” không trải qua bốn vị khác mà giới xuất ra vị Đề hồ cho nên biết đó là ý của Viên giáo. Cỏ Nhẫn nhục là dụ cho diệu cảnh, trâu là dụ cho diệu trí, ăn là dụ cho “diệu hạnh” toát ra vị Đề hồ là dụ cho “diệu vi”. Đây là ý của

Viên giáo. Trâu ăn loại cỏ khác khiến máu và sữa chuyển biến trái qua bốn vị rồi mới thành vị Đề hồ. Cảnh, trí, hành, vị của giáo phương tiện đều là ý thô. Bốn thí dụ trước tức có bốn chỗ nói rõ vị Đề hồ. Bốn giáo nêu ra Phật trí khác biệt nhưng đều gọi là Phật và đồng chỉ Phật trí làm vị Đề hồ. Phật của Tam tạng và Thông giáo không nêu ra Trung đạo mà chỉ lấy “hai đế trí” của “Phật ở quả đầu” làm Đề hồ. Đẳng địa của Biệt giáo phá trừ vô minh tức có khả năng làm Phật, nghĩa là lấy trí của lý Trung đạo làm vị Đề hồ. Sơ trụ của Viên giáo đạt được trí của trung đạo nên cũng gọi là Đề hồ. Kinh Anh Lạc nói “Đức Phật của giáo Đốn ngộ tức lấy trí của Sơ trụ này làm Đề hồ. Hai vị Đề hồ trước là quyền chứ chẳng phải thật cho nên có giáo mà không có người. Vị Đề hồ của Biệt giáo thì tên gọi quyền mà lý thật. Vị Đề hồ của Viên giáo thì tên gọi và lý đều thật. Vì nghĩa này cho nên năm vị của ba giáo trước đều là thô, còn một vị của Viên giáo đều là diệu.

Quyển thứ hai mươi bảy nói “Ví như có người bỏ thuốc độc vào trong sữa liền có khả năng gây chết người, cho đến vị đề hồ cũng có thể giết người. Đây là dụ cho hai thứ công dụng: 1. Ước định thông cả Tiệm giáo và Đốn giáo để nói rõ “giáo bất định”, khiến nơi nơi đều thấy Phật tánh; 2. Ước định “hành bất định” để nêu ra tâm của hành giả giống như sữa còn trí Thật tướng dụ cho thuốc độc. Thuốc độc có khả năng làm mất mạng sống, trí tuệ này có công lực phá trừ vô minh từ kiếp lâu xa đến nay. Nói chất độc “Thật tướng” ở trong sữa của tâm phàm phu tức chất độc trí tuệ khai phát không thể cố định, hoặc đối với vị ban đầu mà phát khởi hoặc đối với vị sau mà phát khởi, không thể thứ tự để đi đến phán quyết. Vì thế nói bỏ chất độc vào trong sữa cho đến Đề hồ biến khắp trong năm vị thủy đều có nghĩa “gây chết người”. Nếu chúng sanh mới an trú trong địa vị phàm phu nhưng nghe được kinh Hoa Nghiêm thì liền thấy lý mà nhập vào trí tuệ của Phật. Đây là máu và sữa gây chết người. Nếu trước hết đạt được Thập Trụ và nay nghe Hoa Nghiêm mà ngộ hiểu tức là chất độc trong vị Lạc gây chết người. Nếu hàng Thập Hạnh ngộ hiểu thì như chất độc trong vị Sanh tô gây chết người. Nếu Thập hồi hương ngộ hiểu thì như chất độc trong vị Thục tô gây chết người. Nếu các Địa ngộ hiểu thêm thì như chất độc trong vị Đề hồ gây chết người. Nếu quá khứ thì trước tiên là địa vị giả danh tương tự trong Viên giáo. Nay nghe Hoa Nghiêm được ngộ hiểu tức cũng như gây chết người trong sữa, (Nhũ) cũng là gây chết người trong vị Lạc, Sanh tô, Thục tô bình đẳng. Nếu trước là địa vị của các Trụ, các Hạnh v.v... thì nay nghe Hoa Nghiêm mà được tăng đạo làm tổn giảm sanh tức là gây

chết người của vị Đề hồ v.v... Nếu trải qua địa vị phàm phu, phương tiện, Bồ-tát của Tam tạng, nghe Tam Tạng giáo mà ở trong đó tức liền có thể bí mật thấy Trung đạo tức như gây chết người của vị sữa. Nếu bốn quả bí mật thấy Trung đạo tức như gây chết người của vị Lạc. Nếu hiển lộ giáo Trung đạo thì không có sự việc này. Nếu địa vị phàm phu và phương tiện ba thừa của Thông giáo nghe Thông giáo bí mật thấy Phật tánh tức như gây chết người trong sữa. Nếu người nhập vị bí mật trở đi tức là gây chết người trong vị Lạc. Nếu Bồ-tát chứng “đạo chủng trí” trở đi tức như gây chết người trong vị Sanh tô. Nếu chứng địa thứ chín trở đi tức như gây chết người trong vị Thực tô. Nếu chứng địa thứ mười trở đi tức như gây chết người trong vị Đề hồ. Thanh văn của Thông giáo chỉ có như gây chết người trong bí mật mà không có bất định gây chết người trong hiển lộ. Nếu trải qua trong Biệt giáo, Thập tín nghe giáo trở đi tức như gây chết người trong vị sữa, trong ba mươi tâm trở đi tức như gây chết người trong vị Lạc, Sanh tô, Thực tô v.v... Đẳng địa trở đi tức như gây chết người trong vị Đề hồ. Nếu là sự phát khởi trong Viên giáo: Mới nghe kinh liền phá vô minh, thấy Phật tánh là gây chết người trong vị sữa, sáu căn thanh tịnh trở đi là gây chết người trong vị Lạc, Sanh tô, Thực tô v.v... nếu bậc Sơ trụ trở đi là gây chết người trong vị Đề hồ: Nếu có hành giả trải qua bốn thí dụ, năm vị của các giáo thì khi vượt qua rồi mới được nhập vào Viên giáo như gây chết người trong vị Đề hồ. Đây chính là phá ba để hiển bày một, đối đãi so sánh với nhau mà làm diệu. Nếu bỏ chất độc vào trong vị sữa thì tất cả các vị đều có khả năng giết người. Đây chính là khai mở quyền mà hiển bày thật, ở trong tất cả các pháp tức thấy trung đạo. Văn kinh nói “chỗ hành pháp của các ông là đạo Bồ-tát, không cần thay đường đổi lối tu hành mà cầu chơn thật. Do vì ngay nơi thô mà thấy diệu cho nên mới lấy việc bỏ chất độc vào thức ăn làm thí dụ. Các kinh đều có nghĩa Diệu của việc bí mật, bỏ chất độc vào thức ăn nhưng chưa có bày tỏ rõ trải qua các vị để nhập vào Diệu, cũng không nói rõ quyết định “tức thô là diệu”. Đến kinh Pháp Hoa này mới có hai ý: “đồng cưỡi xe báu” “đều khai mở tri kiến Phật” được hiển bày một cách rõ ràng. Cho nên, chỉ riêng Kinh này gọi là diệu; ý đó chính ở nơi đây. Thứ tự nhập vào diệu, khai mở thô tức diệu đều có hai ý: xét địa vị khai nhập, có tăng tiến khai nhập. Nếu nói quyết rõ ở pháp Thanh văn thì nay là vua của các kinh. “Nghe rồi tư duy chơn thật mà được gần đạo vô thượng” tức là xét kỹ ở địa vị để hiển bày sự vi diệu. Tăng đạo mà làm tổn giảm sanh tức là tăng tiến nhập vào cho nên Pháp Hoa riêng được gọi là diệu.

1. Nói rõ địa vị vi diệu trước sau nghĩa là trong pháp Chơn như không có tuyên bày vị thứ, không có một địa, hai địa. Pháp tánh vốn bình đẳng, thường tự vắng lặng thì há phải phân biệt có ban đầu, có kết thúc, có trước sau? Do bình đẳng nên trí tuệ lớn quán khắp pháp giới không có giới hạn bao nhiêu mà có thể phá bấy nhiêu vô minh để hiển bày trí tuệ vượt ngoài “không có bao nhiêu”. Ước lệ theo trí tuệ này thì không có bắt đầu mà bắt đầu, tức là chỉ cho pháp môn chữ A ban đầu; không có kết thúc mà có kết thúc tức chỉ cho pháp môn chữ Trà sau cuối; không có trung gian mà luận về trung gian tức là chỉ cho bốn mươi tâm. Tuy sai biệt nhưng không có sai biệt cho nên gọi là địa vị không thể nghĩ bàn. Như văn dưới nói “Thanh văn, Duyên giác như “rừng trúc” và các Bồ-tát mới phát tâm bất thoái v.v... đều không thể biết. Trừ các chúng Bồ-tát có lực tin, kiên cố còn lại Thanh văn và Duyên giác không thể biết. Đây là giản lược hai loại Nhị thừa của Tam tạng và Thông giáo. Bồ-tát của Tam tạng giáo duyên chơn thật không bằng kịp Thanh văn. Thanh văn còn không biết thì Bồ-tát này sao biết được! Bồ-tát của Thông giáo nhập vào trí tuệ chơn thật nên cùng với Nhị thừa không khác. Do vậy, hàng Nhị thừa không biết nên Bồ-tát kia cũng không biết. Nay nêu ra hàng Nhị thừa không biết, Bồ-tát ở hai giáo cũng không có khả năng suy lường và Bồ-tát mới phát tâm không thể biết tức chỉ cho hàng Thập tín của Biệt giáo còn hàng Bồ-tát bất thoái không thể biết tức chỉ cho ba mươi tâm của Biệt giáo là Vị bất thoái Thập Trụ, Hành bất thoái, Thập Hạnh Niệm bất thoái Thập Hồi hướng; cả ba bất thoái này đều không thể biết. Hàng bất thoái của Tam tạng còn không bằng hàng Nhị thừa, hàng bất thoái của Thông giáo mới ngang bằng với hàng Nhị thừa vậy hàng Nhị thừa không biết há lại nhấn mạnh đề cao Bồ-tát? Nay nêu ra hàng Bồ-tát phát tâm bất thoái tức là nói theo người của Biệt giáo. Lực tín là địa vị giả danh. Kiên cố là địa vị Thiết luân. Như các địa vị này v.v... nghe kinh liền hiểu rõ cho nên được bắt làm địa vị tương tự diệu. Bắt đầu, khai mở tri kiến Phật như “cưỡi xe báu dạo chơi ở phương Đông” tức là bắt đầu của địa vị chơn thực. Ba phương còn lại là địa vị trung đạo thẳng tiến đến đạo tràng nên vượt qua chữ Trà và không có thể dùng chữ nào để nói lên được tức là địa vị sau cùng. Như các địa vị này nương những thừa nào có thể thẳng đến đạo tràng? Thừa có ba loại tức là giáo, hành, chứng. Nếu nói ba thừa này từ ba cõi xuất ra đạt đến an trú trong Tát-bà-nhã thì an trú có hai nghĩa: 1. Thủ chứng nên an trú là ý của Thông giáo; 2. Đi đến nơi tột đỉnh mà an trú tức là ý của Biệt giáo và Viên giáo. Sơ phát tâm nhờ vào giáo pháp

đã nói rõ, nên tin ở giáo pháp, thiết lập tu hành nên được thoát ra khỏi ba cõi. Tuy nhiên, vì chưa phá vô minh mà chưa có sở chứng nên không thấy chơn thật, chỉ nương tựa vào “thừa giáo” để dẫn đến đạo tràng vậy. Trong Viên giáo của Ta ai là người đạt được điều ấy? Nghĩa là năm phẩm đệ tử ai có thể khéo phát tâm lớn vĩnh viễn xa lìa biển khổ luân chuyển của ba cõi. Do “thừa giáo” đã dứt, “thừa chứng” chưa sánh kịp nên lấy tuệ giải tương tự tiến tu các hạnh mà lấy “hành” làm “thừa”, từ trong phương tiện ba cõi đi ra đến “Sơ trụ” và trụ trong Tát-bà-nhã. Trong Viên giáo của Ta ai là người đạt được cấp độ ấy? Người ấy chính là hàng Thập Tín với sáu căn thanh tịnh. Từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác luôn làm tăng trưởng đạo mà tổn giảm sanh cho nên lấy “chứng” làm “thừa” từ nhân duyên ba cõi cho đến thoát ra chỗ không có ba cõi sau để tiến đến Diệu giác, vượt qua chữ Trà mà không có chữ nào để có thể bàn luận, cho nên nói đi đến an trú trong Tát-bà-nhã. Trên đây, các thừa vẫn còn có “pháp đi lên trên” không thể gọi là trụ. Trà là vào pháp vô thượng của cho nên nói trụ. Nếu trụ vào chỗ không có trụ thì đó là cấp độ sau cùng của địa vị vi diệu. Lại nữa, trong Biệt giáo, hàng Thập Trụ phá trừ Kiến hoặc và Tư hoặc là đi “ba trăm do tuần”, hàng Thập Hạnh phá trừ Trần-sa hoặc là đi “bốn trăm do tuần”, Thập hồi hương hàng phục vô minh hoặc là đi “năm trăm do tuần”, hàng Thập địa đoạn trừ vô minh, địa phận này thấy Trung đạo và lấy đó làm “Bảo sở”. Đối với Viên giáo thì khi sáu căn thanh tịnh tức là đi “bốn trăm do tuần”, nếu phá vô minh mà nhập vào “Sơ trụ” là đi “năm trăm do tuần”, hàng nhị thừa nghe kinh phá trừ “vô minh hoặc” khai mở tri kiến Phật và được thọ ký làm Phật tức quyết rõ các địa vị thô, vượt qua năm trăm do tuần để đi vào Sơ trụ tức điểm bắt đầu của địa vị vi diệu được thừa chứng du hóa đến phương đông. Nếu đi đến trong bốn môn làm tăng trưởng đạo và tổn giảm sanh thì lại nương vào “thừa chứng” dạo chơi ở phương nam tức tiến vào địa vị Thập Hạnh. Tây phương là tiến vào Thập hồi hương. Phương Bắc là tiến vào Thập Địa. Lại nữa như văn kinh nói “khi nói sự thọ mạng dài lâu của Như lai, có sáu trăm tám mươi vạn ức Na-do-tha hằng hà sa người đạt được vô sanh pháp nhẫn” tức là Thập Trụ. “Lại có ngàn lần Bồ-tát đạt được “Văn-trì-Đà-la-ni” tức là Thập Hạnh”. Lại có một thế giới vi trần số đại Bồ-tát đạt được “Nhạo thuyết biện tài tức là Thập hồi hương. Lại có một thế giới vi trần số đại Bồ-tát đạt được Triền đà-la-ni tức là Sơ địa. Ba ngàn đại thiên vi trần đạt được vị “Bất thoái” tức là địa thứ hai. Hai ngàn quốc độ vi trần Bồ-tát có thể chuyển pháp luân thanh tịnh tức là địa thứ ba. “Một tiểu thiên quốc độ vi trần số Bồ-

tát trải qua tám đời sẽ đạt được quả vị Bồ-đề tức là địa thứ tư, “bảy đời sẽ được Bồ-đề” tức là địa thứ năm. “Sáu đời sẽ được Bồ-đề” tức là địa thứ sáu. Năm đời sẽ được Bồ-đề tức địa thứ bảy. Bốn đời sẽ được Bồ-đề tức địa thứ tám “ba đời sẽ được Bồ-đề” tức là địa thứ chín, “Hai đời sẽ được Bồ-đề” tức là địa thứ mười, “Một đời sẽ được Bồ-đề” tức là địa vị Đẳng giác, vượt qua một đời này tức là vượt qua chữ Trà mà không còn chữ nào cả tức chỗ cuối cùng của địa vị Diệu giác. Dem văn kinh Pháp Hoa dẫn chứng phù hợp với các địa vị đã nêu ra ở trước mà chung làm một cách giản lược, tức không cảm thấy rối loạn (phiền phức)!

- Ba pháp Diệu tức là pháp của địa vị vi diệu đã an trú. Nói đến ba pháp chính là nói đến ba nguyên tắc. Nguyên tắc ấy được gọi là phép tắc nên ba pháp lại là phép tắc. Phần này bao gồm có bảy ý: 1. Tổng nêu ra ba phép tắc; 2. Trải qua riêng biệt để nói rõ ba phép tắc; 3. Phán quyết thô và diệu; 4. Khai mở thô để hiển bày diệu; 5. Nói lên sự ban đầu và kết thúc; 6. Phân loại ba pháp; 7. Dùng Tất đàn phân chọn.

1. Tổng nói lên ba thứ phép tắc ấy chính là nêu ra ba phạm trù sau: Chơn tánh, Quán chiếu, và trợ giúp thành tựu, Đứng trên tên gọi tuy có ba thứ nhưng thực ra chỉ là một pháp của đại thừa. Kinh nói “mười phương chân thật chỉ cầu thừa này chứ không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa” một Phật thừa tức đầy đủ ba pháp, cũng gọi là “Đệ nhất nghĩa đế”, cũng gọi “Đệ nhất nghĩa không”, cũng gọi “Như Lai tạng”. Ba pháp này không có cố định ba nên tuy ba mà luận nói một và một cũng không có cố định một nên tuy một mà luận nói ba. Do không thể nghĩ bàn, không cùng và không riêng biệt như chữ Y có ba nét như mắt trời ấy. Cho nên kinh nói “Phật tánh cũng là một, nhưng chẳng phải một, chẳng phải một nhưng cũng không là chẳng phải một. “Cũng một” nghĩa là tất cả chúng sanh đều nương vào một thừa đây là nói “Đệ nhất nghĩa đế”. “Chẳng phải một” nghĩa là số pháp như vậy, tức nói đến Như Lai tạng. “Chẳng phải một cũng không là chẳng phải một” nghĩa là số pháp và chẳng phải số pháp không có quyết định tức “Đệ nhất nghĩa không”, mà tất cả đều nói là “cũng” tức là để nhấn mạnh. Tuy chỉ là một pháp nhưng “cũng” gọi là ba pháp đó vậy. Cho nên, không thể chọn lấy riêng một, không thể chọn lấy nhiều, không có giới hạn ngang dọc mà là ba mà là một pháp. Trước đây đã nói rõ các đế hoặc khai hoặc hợp, hoặc thô hoặc diệu v.v... thì vốn đã là tướng phép tắc của Chơn tánh. Trước nêu lên các trí hoặc khai, hoặc hợp, hoặc thô, hoặc diệu v.v... tức đã là tướng phép tắc của Quán chiếu. Trước nêu lên các hành hoặc khai, hoặc hợp, hoặc thô, hoặc diệu tức đã là tướng

phép tắc của phương tiện thành tựu. Trước nêu ra các vị tức chỉ cho quả sở chứng trong việc tu tập ba pháp này. Nếu như vậy thì sao nói lại? Việc nói lại có ba nghĩa: 1. Cảnh, trí, hành trước là ba phép tắc của thừa được chuyển trong nhân. Nay nói rõ “thừa” là đại thừa “đã đi đến đạo tràng” tức ba phép tắc của an trú trong chứng quả; 2. Trước tạo ra cảnh, trí v.v... nói các tên riêng biệt nhưng nay gọi tên pháp tức hợp lại nói; 3. Trước trực tiếp như vậy mà tán loạn nói không luận về gốc ngọn nhưng nay xa luận về gốc ấy tức là ba phép tắc của Tánh đức, cũng gọi là Tạng của Như Lai và luận rốt ráo về ngọn ấy tức là ba phép tắc Tu đức, cũng gọi là tạng Bí mật. Điều này có nghĩa gốc, ngọn hợp lại chứa đựng tất cả pháp. Từ ba pháp của Tánh đức mà khởi lên ba pháp thuộc Danh tự. Nhân nơi ba pháp của danh tự mà tu ba pháp quán hạnh. Nhân nơi ba pháp của quán hạnh mà phát khởi ba pháp tương tự cho đến ba pháp chứng phần, ba pháp cứu cánh, ba pháp tự thành, ba pháp hóa tha. Vì nghĩa này cho nên thích ứng để nói lại. Theo ý riêng cho rằng: Một câu tức là ba câu và ba câu tức là một câu cho nên gọi là Phật thừa viên mãn. Trong đó ghi nhận vốn từ một câu của Như Lai tạng mà nêu ra các phương tiện. Đây là riêng biệt phán quyết ví như phải khai thông. Chẳng phải một tức là số pháp, chỉ đó làm Như Lai tạng, để mở ra phương tiện sự tương của ba thừa trong Tam tạng. Chẳng phải một và không là chẳng phải một vì không có quyết định, tức chỉ ra một câu này làm “Đệ nhất nghĩa không” nhằm mở ra ba người của Thông giáo tức sự mà chơn. Cũng là một tức tất cả chúng sanh đều nương vào một thừa là chỉ cho một câu này làm “Đệ nhất nghĩa đế” nhằm mở ra chỉ riêng Bồ-tát thừa của Biệt giáo. Các phương tiện này đều từ Viên giáo mà nêu ra cho nên kinh nói “ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” tức là nghĩa này.

2. Riêng biệt nói rõ ba pháp: tức trước hết phải nên biết sự khai mở và hợp phương tiện của Như Lai, rồi sau mới hiểu tổng quát gom lấy ba pháp làm một đại thừa.

Đức Phật từ pháp nào để khai mở các thừa quyền biến? Như Đại kinh nói: Phật tánh chẳng phải một. Như vậy, số pháp nói ba thừa. Nên biết, số pháp của các thừa được thu nhiếp bởi Như Lai tạng. Phật ở trong tạng này mở ra các thừa thuộc Thông, Biệt giáo của Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát v.v... vì sao? Vì các thừa vốn là phương tiện Như lai tạng. Lại nữa sự tương này từ sự mà lưu xuất ra phương tiện cho nên nói “các quyền thừa được thu nhiếp bởi Như Lai tạng. Lại nương vào kinh mà nói. Đại kinh nói “Thanh văn tăng thì gọi là Hữu vi tăng”. Lại nói

sáu Ba-la-mật với phước đức trang nghiêm, lại nói “định lực của hàng Thanh văn nhiều nên không thấy Phật tánh”. Nên biết định lực ấy tức là phước đức và phước đức là pháp hữu vi”. Kinh Thắng Man gọi đó là hữu lậu. Theo thông lệ Thanh văn này chưa đoạn phá Tư hoặc và Kiến hoặc trong giới (cõi) vì các cõi hữu mà khởi tạo tác cho nên gọi là hữu vi. Lại vì chọn lấy lý không xác đáng cho nên gọi là hữu lậu. Do chẳng phải pháp trí tuệ cho nên gọi là phước đức. Nay lấy hạng dưới mà nhìn lên hạng trên cũng tương ứng như vậy. Hàng Nhị thừa chưa phá trừ “biến dịch sanh tử” nên còn gọi hữu vi. Và do chưa thoát khỏi sự ràng buộc của vô minh cho nên nói là hữu lậu. Do chẳng phải là trí trung đạo nên gọi phước đức. Vì thế nên biết các thừa phương tiện đều thuộc về trợ giúp để thành tựu đều chỉ từ một câu của đại thừa mà xuất hiện. Do chẳng phải cứu cánh cho nên nói “ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” tức là ý này. Tuy nhiên cũng chính là ở trong một Phật thừa phân biệt nói thành năm, cũng ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành bảy, cũng phân biệt nói thành chín. Nếu căn cứ vào cách giải thích này thì một câu của Như Lai tạng khai mở nêu ra nhiều loại phương tiện và các pháp quyền thừa.

Kế đến căn cứ vào bốn giáo, mỗi giáo luận về ba phép tắc: Trong Tam tạng giáo lấy trí tuệ vô vi làm phép tắc Quán chiếu, chánh làm thể của Thừa, Trợ đạo là công cụ thành tựu Thừa cho nên gọi là phép tắc trợ giúp thành tựu. Sự nương theo của Chánh và Trợ mà đoạn trừ hoặc để nhập vào chơn nên chơn trở thành phép tắc của Chơn tánh. Giáo lại nói rõ điều này cho nên lấy giáo làm thừa. Duyên giác cũng lại như vậy. Bồ-tát dùng quán vô thường làm phép tắc Quán chiếu, công đức tràn đầy làm phép tắc trợ giúp thành tựu và ngò vào đạo tràng đoạn trừ kiết, thấy được chơn thật làm phép tắc Chơn tánh. Giáo này tuyên bày chơn thừa tức “thừa giáo” từ trong ba cõi thoát ra để đi đến trụ vào Tát-bà-nhã. Ngôn giáo đã hết, cho nên không có “thừa giáo”, chơn không thể chuyển vận cho nên chứng đắc chẳng phải “thừa”. Tức có ý “đòi xe” v.v...

Thông giáo lấy phép tắc của Chơn tánh làm thể của thừa, vì sao? Vì tức sắc là không và trong sự có lý. Lý này tức chơn thật cho nên làm thể của thừa, lấy “tuệ không” làm “Quán chiếu”, các hành làm trợ giúp thành tựu. Giáo này nói rõ chơn thừa tức “giáo thừa” từ ba cõi thoát ra đi đến trụ vào Tát-bà-nhã. Bồ-tát thoát ra khỏi ba cõi rồi dùng hạnh làm thừa, làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sanh cho đến thẳng đến đạo tràng mới có thể gọi là Trụ. Đây cũng gọi là có giáo mà không có

người. Nếu không có ai trụ thì cũng là giáo biến mất mà chứng tịch diệt. Lại không có nghĩa vận chuyển nên có ý mong cầu xe v.v...

Nói về ba phép tắc của Biệt giáo tức lấy duyên tu Quán chiếu làm thể của thừa, các hành làm trợ giúp thành tựu. Dùng hai pháp này làm duyên tu trí tuệ nhưng tuệ có khả năng phá trừ “hoặc” mà hiển bày lý; còn lý thì không thể phá trừ hoặc chướng. Nếu lý phá trừ được hoặc thì tất cả chúng sanh đều đầy đủ lý tánh, vậy có gì không phá? Nếu đạt được tuệ này thì có khả năng phá trừ hoặc cho nên dùng trí làm thể của “thừa”. Đại kinh nói “vô lậu và vô vi gọi là Bồ-tát Tăng tức địa thứ nhất và địa thứ hai, cho đến trí tuệ của địa thứ mười gọi là trí tuệ trang nghiêm. Trí tuệ này vận chuyển thông suốt mười địa cho nên làm thể của “thừa”. Tuy nhiên, Nhiếp đại thừa nói rõ có ba loại “thừa”: Lý thừa, tùy thừa và đắc thừa. Lý là Chơn như của Đạo tiền. “Tùy” là quán Chơn Như tức trí tuệ tùy thuận cảnh. Đắc là huân tập tất cả hạnh nguyện tức thẩm nhuần trí vô phân biệt kế hợp với cảnh vô phân biệt cùng với Chơn Như tương ứng. Ba ý này xem qua thì đồng với ba phép tắc nhưng trước sau chưa viên dung, vì sao? Vì thức thứ chín là chơn như của Đạo sau. Chơn như không có sự, trí, hành là hạt giống căn bản đều nằm trong thức A-lại-da mà huân tập thành tựu. Đắc là trí vô phân biệt trí chiếu soi thành tựu tánh chơn thật. Đây tức là Lý Thừa vốn có, còn Tùy thừa, Đắc thừa nay phải có Chơn như của Đạo sau mới có khả năng giáo hóa chúng sanh. Điều này há chẳng phải nghĩa dọc? Nếu ba thừa đều là chỗ thu nhiếp của A-lại-da thì lại là nghĩa ngang! Lại tức là dọc ngang lẫn lộn mênh mông mới sanh Giác, bởi vốn đã là giới hạn ngang, dọc tức cùng Chơn tự nhiên có trái nghịch nhau. Thật ra đức Như Lai ra đời ban đầu muốn nói chơn thật nhưng vì không có người kham nhận nổi nên mới dùng pháp vô thường để loại bỏ đảo điên. Kế đến dùng Không để rửa sạch những chấp trước. Kế nữa, dùng việc khởi tâm riêng biệt và sau mới nói rõ chơn thường, chơn lạc, chơn ngã và chơn tịnh. Long Thọ tạo luận đã trình bày rõ thêm về ý này của Phật: “Tức là dùng Không “bất khả đắc” để rửa sạch cố chấp huân tập tương ứng với tất cả pháp không đó gọi là tương ứng với Bát-nhã. Không này há chẳng thể không ở vô minh? Vô minh nếu đã trống rỗng không, thì chũng tử đâu còn? Mà làm thanh tịnh các pháp? Rồi chỉ điểm không để nói pháp nhằm kết luận tướng trạng của bốn câu. Câu lời nói này rỗng không, huyền ảo cũng không có chấp trụ. Như người bệnh được chữa trị rồi mới có thể ăn uống. Ăn cũng tiêu hóa thì sao được phát (nhức) đầu! Nếu căn cứ vào A-lại-da đã xuất sanh ra tất cả Pháp thân được bản thể ấy mà ngã mạn

hoàn toàn chưa hàng phục đề cao văn mới này khác nào như khối băng lớn lại đổ thêm nước. Cho nên biết luận kia (Nhiếp thừa) chẳng phù hợp với chúng sanh còn nặng lòng chấp ở đời mạt pháp, mà chỉ là một lối dẫn dắt pháp môn của ngoại giới đó thôi!” Lại nữa A-lại-da nếu đầy đủ tất cả pháp thì sao không đầy đủ chơn như của đạo sau? Nếu nói đầy đủ thì sao nói Chơn Như chẳng phải thức thứ tám? E rằng đây cũng chính là phương tiện từ trong tạng Như Lai mở ra đó vậy! Nếu chấp phương tiện đó thì ngăn ngại lớn ở chơn thật. Nếu đó là thật mà chấp vào đó lại làm thành “ngôn ngữ kiến giải” chứa đựng nhiều “lý giải làm sống lại” thì e rằng lại làm yếu mệnh mà thôi! v.v... Nếu có thể khéo hiểu ý phá và lập thì đối với các kinh luận trong sáng tuyệt nhiên không còn chấp trước.

Nói về ba pháp của Viên giáo tức lấy phép tắc của Chơn tánh làm thể của “thừa”. Nếu không nguy danh chơn thật, không cải đổi danh tánh tức là Chánh nhân thường trụ. Bậc thầy của chư Phật chính là pháp này. Tất cả chúng sanh cũng đều là một thừa thì chúng sanh tức tướng Niết-bàn không thể hoại diệt và Niết-bàn tức sanh tử không diệt không sanh. Cho nên Đại Phẩm nói “thừa ấy không động không xuất” tức là thừa này. Quán chiếu là chỉ ra Chơn tánh vắng lặng mà thường chiếu sự Quán chiếu này tức là Đệ nhất nghĩa không. Trợ giúp thành tựu tức là chỉ rõ Chơn tánh pháp giới hàm chứa các hành vô lượng các phương tiện tức ba pháp của Như Lai tạng không phải một và cũng chẳng phải khác. Như xét rõ trong ngọc Như ý để luận về ánh sáng và báu vật thì ánh sáng và chất báu không là khác cũng không đồng nhất với hạt châu. Ba pháp không có giới hạn ngang dọc cũng như vậy. Ba pháp không thể nghĩ bàn cũng một cũng chẳng phải một, cũng chẳng phải một, cũng không là chẳng phải một. Nếu mê mờ đối với ba pháp này thì trở thành ba chướng: 1. Trần-sa-hoặc của nội giới và ngoại giới gây chướng ngại Như Lai tạng; 2. Kiến và Tư hoặc của Biệt, Thông giáo gây chướng ngại cho “Đệ nhất nghĩa không”; 3. Căn bản vô minh gây chướng ngại cho lý “Đệ nhất nghĩa”. Nếu ngay nơi chướng Trần-sa mà đạt được vô lượng pháp môn thì phép tắc của trợ giúp thành tựu được hiển bày. Nếu ngay nơi chướng Kiến hoặc và Tư hoặc thấu đạt “Đệ nhất nghĩa không” thì phép tắc Quán chiếu được hiển bày. Nếu ngay nơi chướng vô minh, thấu đạt “Đệ nhất nghĩa đế” thì phép tắc Chơn tánh được hiển bày. Nếu Chơn tánh được hiển bày thì gọi đó là Pháp thân. Nếu Quán chiếu được hiển bày thì gọi đó là Bát-nhã. Nếu trợ giúp thành tựu hiển bày thì gọi đó là Giải thoát. Hai pháp này tức là định tuệ trang nghiêm mà trang nghiêm Pháp thân. Pháp thân là thể của thừa còn định tuệ là các công

cụ. Văn dưới nói “xe ấy cao rộng với các báu trang hoàng” tức chỉ cho xe (Thừa) của hành giả Viên đã cưỡi đi đến Tát-bà-nhã, vượt qua chữ “Trà” không còn chữ nào có thể nói. Do không còn chữ nào có thể nói nên không có thừa nào vận chuyển. Nếu nghĩa tự vận hành “xe” xong thì tức là nghỉ ngơi. Nếu nghĩa quyền hóa chưa hoàn tất thì vận chuyển chúng sanh chưa nghỉ, cho nên văn kinh nói: “Phật tự trụ đại thừa, như chỗ đắc pháp của mình với lực định, tuệ trang nghiêm để hóa độ chúng sanh” tức là nghĩa ấy. Ví người người điều khiển xe vận hành xe đi đến nơi cũng như gọi là xe. Quả thừa cũng như vậy, cũng như gọi là vận chuyển. Vả lại, hà tất phải một hướng dùng nghĩa “vận chuyển” mà giải thích “thừa”. Nếu dùng Chơn tánh không động, không xuất thì là nghĩa chẳng phải vận chuyển, và chẳng phải không vận chuyển. Nếu dùng Quán chiếu, trợ giúp thành tựu có thể động có thể xuất thì gọi là vận chuyển. Nếu động và xuất tức không động và không xuất tức động và xuất là lấy dụng mà luận về thể. Động và xuất là không động không xuất tức đứng trên thể mà luận về dụng. Ngay nơi không động không xuất là động và xuất tức thể và dụng đều chẳng hai mà hai! Theo thông lệ như chuyển mà không chuyển đều là A-bệ-bạt trí, động mà không động đều là Tỳ-ni. Vì nghĩa này cho nên nói phát khởi hướng đến không phát khởi hướng đến đều gọi đó là thừa v.v...

3. Nói rõ thô và diệu Tam tạng giáo đối với phước đức hữu vi mà luận về ba pháp làm thừa. Bốn niệm xứ là văn tuệ nương vào thừa giáo để đi đến bốn thiện căn, bốn thiện căn nương vào hành để đi đến kiến đế, kiến đế nương vào thừa chứng để đi đến vị Vô học. Đã là pháp quyền lưu xuất ra bên ngoài ba cõi lấy chơn thật làm “chứng” mà chứng thì không vận chuyển, không thấy chơn thừa. “Mà tự than trách mình, muốn hỏi Thế Tôn là mất hay không mất” tức là ý này. Do nữa chữ dần dần dần đến chẳng phải nghĩa rốt ráo cho nên ba pháp đều là thô. Thông giáo lấy ba pháp tuệ không làm nơi nương tựa khéo léo. Các ý khác thì phần lớn giống. Can Tuệ địa nương vào thừa giáo; Tánh địa nương vào thừa hạnh; Bát nhơn địa và Kiến địa nương vào “thừa chứng”. Đây cũng nói thiên lệch cho nên gọi là thô. Biệt giáo lấy trợ giúp thành tựu nương vào Quán chiếu và Quán chiếu khai mở Chơn tánh lấy ba pháp làm “thừa”. Thập tín nương vào giáo, Thập Trụ nương vào hành, Thập địa nương vào chứng đến Diệu giác thì trụ vào Tát-bà-nhã. Như vậy duyên tu thành tựu tức tàn lụi mà chỉ còn chơn tu tồn tại. Nếu như vậy, trợ giúp thành tựu xuất hiện trước, kế đến là Quán chiếu ngự trị và sau cùng là Chơn tánh hiện hữu. Ba lãnh vực này riêng biệt uyên suốt, (Tung)

chẳng phải đại thừa. Ba lãnh vực này phát triển rộng đều (hoành) khác, chẳng phải đại thừa mà là pháp phương tiện cho nên gọi là thô. Viên giáo chỉ rõ Thật tướng làm “Đệ nhất nghĩa không”, gọi “không” làm sự xuyên suốt “Đệ nhất nghĩa không” tức là Thật tướng nhưng Thật tướng không có xuyên suốt thì “không” này há lại xuyên suốt! Nếu chỉ rõ Thật tướng làm Như Lai tạng gọi đó là sự mở rộng. Như lai tạng tức Thật tướng nhưng Thật tướng không có sự mở rộng thì tạng này há lại mở rộng! Do vậy không thể dùng tư duy xuyên suốt, không thể dùng tư duy mở rộng nên gọi là pháp không thể nghĩ bàn tức là diệu. Nếu chỉ ra Không Tạng làm Thật tướng, thì “không” xuyên suốt, Tạng mở rộng thì Thật tướng sao không xuyên suốt mở rộng! Nếu chỉ ra “không” làm Như Lai tạng nhưng “không” đã không mở rộng thì Tạng sao được rộng! Chỉ rõ Như Lai tạng làm “không”, nhưng Tạng đã không xuyên suốt thì “không” sao được xuyên suốt? Nếu chỉ rõ Thật tướng làm “Không, Tạng” nhưng Thật tướng chẳng phải xuyên suốt, chẳng phải chỉ rõ nên “Không, Tạng” cũng chẳng phải xuyên suốt, chẳng phải mở rộng mà uyển chuyển tương tức, không thể nghĩ bàn cho nên gọi là diệu. Do chỉ ra Như Lai tạng làm “rộng”, “Đệ nhất nghĩa không” làm cao cho nên nói xe ấy cao rộng”. Tuy nhiên vì Như Lai tạng tức Thật tướng nên xe ấy chẳng phải rộng và Đệ nhất nghĩa không tức Thật tướng nên xe ấy chẳng phải cao. Nếu chỉ rõ Thật tướng là “không” thì sao chẳng phải cao và nếu Thật tướng là Như lai tạng thì sao chẳng phải rộng! Lại nữa, chỉ rõ Thật tướng làm Như Lai tạng cho nên nói “các báu trang nghiêm, lại có nhiều tội tứ đi theo hầu hạ và bảo vệ đó”. Vì chỉ ra Thật tướng làm “Đệ nhất nghĩa không” cho nên nói “có trâu trắng lớn mập mập, mạnh khỏe với nhiều sức lực, bước đi vững chãi ngay thẳng và nhanh như gió”. Do trí tuệ không nhiễm ô nên gọi là trắng. Vì có khả năng phá “chướng hoặc” cho nên gọi là “có nhiều sức lực”. Trí tuệ trung đạo gọi là vững chãi, ngay thẳng. Do nhập vào “vô công dụng hạnh” nên nói “nhanh như gió”. Ba pháp không thể nghĩ bàn cùng thành tựu “xe lớn” há lại có sự xuyên suốt mở rộng đều khác biệt! Như vậy thừa giáo không xuyên suốt, không mở rộng mà năm phẩm đã nương vào đến được Tương tự giải. Như thế thừa hành không xuyên suốt, không mở rộng mà Tương tự giải đã nương theo đến được Thập Trụ. Như thế thừa chứng không xuyên suốt, không mở rộng mà Thập Trụ đã nương theo đến được Diệu giác, trụ trong Tát-bà-nhã cho nên gọi là thừa vi diệu. Lại nói “thừa này thanh tịnh, vi diệu bậc nhất” nên kiến tạo diển giảng. Người mộng lắng nghe thì cuời xe đóng cửa mà đi ra khỏi chỗ kiến tạo

diễn giảng ấy. Người mộng thấy áo vàng đầy đường lấy tướng ấy phân định rõ tà chánh. Nếu lấy diệu, thô v.v... ước định ở năm vị giáo thì Như giáo có một thô một diệu; Lạc giáo có một thô; Sanh tô giáo có ba thô một diệu; Thục tô giáo có hai thô một diệu. Các kinh thấy đều có vướng vào phương tiện trong giới hạn ngang dọc để trình bày chơn thật của không còn giới hạn ngang dọc cho nên nói làm thô. Nay kinh nói chính xả bỏ phương tiện nên mới lấy đó làm diệu..

4. Việc khai mở thô để hiển bày diệu tức là ước định vào ba câu của Đại kinh. Kinh nói “Phật tánh cũng là một” tức là tất cả chúng sanh đều có một thừa. Đây là một thừa không động không xuất cho nên đầy đủ ba pháp không có giới hạn ngang dọc. Hễ có tâm thì đều đầy đủ lý này nhưng đối với chúng sanh kia, tiểu thừa, đại thừa đều không biết cho nên là “thô”. Nay chỉ ra các kho báu giác của chúng sanh, như nhỏ sạch cỏ như uest hiển bày ra kho vàng tức tất cả không ngại đồng thời chỉ có một con đường ra khỏi sanh tử mà mười phương chơn thật cầu mong chứ không có thừa khác, chỗ có một Phật thừa. Cho nên gọi là diệu. Kinh nói “Phật tánh cũng chẳng phải một, cũng không là chẳng phải một nên số và chẳng phải số pháp không quyết định”. Nếu chấp vào duyên tu trí tuệ quyết định năng hiển bày lý thì trí tuệ tự nó chẳng lý, tức dụng chiếu soi không rõ ràng, không thể thấy Phật tánh cho nên gọi là thô. Nay khai mở trí tuệ định chấp ấy chính là tuệ không quyết định mà tức lý là tuệ, tức tuệ là lý không có chấp trước vào số. Quyết định ba và quyết định một pháp không có vướng mắc vào “chẳng phải số”, chẳng phải ba, chẳng phải một như đây gọi là trí tuệ vi diệu không chấp trước, có thể phá tất cả tướng cố định và bất định, cũng không có năng phá và sở phá. Như Luân vương có khả năng phá, có khả năng an ổn, như mặt trời phá trừ bóng tối khiến vạn vật sanh trưởng, như lương y phá trừ màng mắt để cho con người sáng tỏ. Đây tức là trí tuệ vi diệu của đại thừa không có giới hạn ngang dọc. Kinh nói “Phật tánh cũng chẳng phải nhất định nói ba thừa, tức là ba cũng có thể trình bày các thừa phương tiện: Ba thừa, năm thừa, bảy thừa v.v... Nếu trụ vào các thừa thì chỉ là sự thiện cho đến lấy riêng chơn thật thông suốt đi vào cận xứ. Vì thế, gọi là thô. Nay nếu quyết hiểu rõ các thừa thì tức là Như Lai tạng Tạng ấy gọi là Phật tánh. từ sự thiện của trời, người cho đến thừa riêng biệt đều là pháp vốn bất động tức trở thành diệu. Nên biết, ba câu thu nhiếp tất cả pháp không gì chẳng là Phật tánh thấy đều là diệu, không có thô có thể đối đãi nên là Diệu tuyệt dứt đối đãi.

5. Nói đến bắt đầu và kết thúc nghĩa là không chọn lấy thừa giáo

của năm phẩm làm nơi bắt đầu nhưng chọn lấy tâm nhất niệm của phàm phu đầy đủ mười loại tánh tướng của mười pháp giới làm nơi bắt đầu của ba pháp, vì sao? Vì mười loại tánh tướng chính là ba phép tắc: Thể như vậy tức là phép tắc của Chơn tánh; tánh như vậy tức căn cứ vào nội tâm là phép tắc Quán chiếu, tướng như vậy là căn cứ vào bên ngoài tức phước đức hay phép tắc trợ giúp thành tựu. Lực là “liễu nhân” là phép tắc Quán chiếu. Tác là vạn hạnh tinh cần tức trợ giúp thành tựu. Nhân là tập nhân thuộc về Quán chiếu. Duyên là báo nhân thuộc về nương tựa thành tựu. Quả là tập quả thuộc về Quán chiếu. Báo là tập báo thuộc về trợ giúp thành tựu. Gốc, ngọn v.v... là “không” v.v... tức Quán chiếu. Giả v.v... tức là trợ giúp thành tựu. Trung đạo v.v... tức là Chơn tánh. Xét ngay ở “mười như” của một cõi mà luận về ba phép tắc, nay chỉ nêu ra nhất niệm của tâm phàm phu tức đều đầy đủ mười pháp giới. Mỗi mỗi giới (cõi) có tánh tướng của phiền não, tánh tướng của nghiệp ác, tánh tướng của đường khổ. Nếu có tánh tướng của vô minh phiền não tức có trí tuệ Quán chiếu tánh tướng, vì sao? Vì do mê sáng suốt nên khởi vô minh. Nếu hiểu được vô minh tức là có sáng suốt. Đại kinh nói “vô minh chuyển tức biến thành sáng suốt”. Ngài Tịnh Danh nói “vô minh tức là sáng suốt”. Nên biết không lìa vô minh mà có sáng suốt như băng là nước và nước là băng. Lại nữa tâm nhất niệm của phàm phu tức đầy đủ mười pháp giới, đều có tánh tướng của nghiệp ác, chỉ có tánh tướng ác tức là tánh tướng thiện. Do ác mà có thiện, nên lìa ác ra thì không có thiện, trái ngược các điều ác tức điều thiện trợ giúp thành tựu. Như trong cây tre có tánh của lửa nhưng chưa đủ nhân duyên phát lửa nên có mà không thiêu đốt. Nếu hội đủ nhân duyên thì sự thành tức có khả năng thiêu đốt các vật. Ngay nơi ác cũng có tánh thiện nhưng chưa thành sự thiện. Nếu hội đủ nhân duyên thành tựu sự thiện thì có khả năng chuyển đổi ác. Như trong cây tre có lửa và nếu lửa xuất hiện thì trở lại thiêu đốt tre. Trong ác có thiện nên khi thiện xuất hiện thì trở lại phá ác cho nên nói ngay nơi tánh tướng ác tức là tánh tướng thiện. Nhất niệm của phàm phu đều có tánh tướng của đường khổ danh sắc, thức v.v... thuộc mười pháp giới. Nếu mê đường khổ này thì bị sanh tử cuốn trôi. Đây là mê Pháp thân làm đường khổ mà không thể lìa đường khổ có Pháp thân riêng biệt. Như mê hương Nam làm hương Bắc chứ không có hương Nam riêng biệt. Nếu ngộ thì sanh tử tức là Pháp thân. Do đó nói “tánh tướng của đường khổ tức là tánh tướng của Pháp thân”. Hễ có tâm thì đều có tánh tướng của ba đường tức tánh tướng của ba phép tắc. Kinh Tịnh Danh nói “phiền não là hạt giống của Như Lai”.

Nếu nói “lực như vậy, tác như vậy” thì chính là tâm Bồ-đề phát khởi tức sự biến động của Chơn tánh v.v... “Nhân như vậy” tức sự biến động của Quán chiếu. Duyên như vậy tức là sự biến động của trợ giúp thành tựu. Quả như vậy là do sự Quán chiếu biến động thành tập nhân mà chiêu cảm được tập quả viên mãn của Bát-nhã. Báo như vậy là do sự biến động của trợ giúp thành tựu làm duyên nhân chiêu cảm đạt được quả báo giải thoát viên mãn. Do quả báo viên mãn cho nên Pháp thân cũng viên mãn tức ba đức cứu kính viên mãn hay gọi là tạng bí mật. Gốc, ngọn v.v..là ba phép tắc của tánh đức bao phủ hàng phục không có giới hạn ngang dọc. Ba phép tắc của “tu đức” rõ ràng hiển bày, không có giới hạn ngang dọc mà bao phủ hàng phục như các số các diệu v.v... Do rõ ràng hiển bày như các số các diệu v.v... nên nói “đẳng”. Đây cũng là không v.v... Giả v.v... Trung đạo v.v...

6. Phân loại ba pháp thông suốt tức trước dùng ba phép tắc từ đầu đến cuối xuyên suốt liên thông vô ngại. Nay muốn mở rộng thông suốt các pháp đều khiến trở nên vô ngại để phân loại thông suốt cả ba pháp, vì sao? Vì dẫn đến duyên tên khác mà ý nghĩa thì đồng nhau. Ở nay sơ lược nêu ra mười điều còn các điều khác theo đó có thể hiểu. Ba đường, ba thức, ba Phật tánh, ba Bát-nhã, ba Bồ-đề, ba đại thừa, ba thân, ba Niết-bàn, ba ngôi báu, ba đức, ba pháp vô lượng chỉ dùng mười điều nhằm nêu ra cốt yếu ấy để nói rõ sự bắt đầu và kết thúc. Pháp căn bản của ba đường luân hồi sanh tử vốn là khởi nguyên. Nếu muốn lợi ngược dòng sanh tử thì phải nên biết ba thức, biết ba Phật tánh, khởi ba trí tuệ, phát ba tâm Bồ-đề, hành ba đại thừa, chứng ba thân, thành tựu ba Niết-bàn, quy hướng ba ngôi báu làm lợi ích cho tất cả. Nếu duyên khai hóa đã hết thì nhập vào ba đức, an trụ trong tạng bí mật v.v...

Phân loại thông suốt ba đường nghĩa là phép tắc Chơn tánh tức là khổ đạo phép tắc Quán chiếu tức đạo phiền não, phép tắc trợ giúp thành tựu tức nghiệp đạo, khổ đạo tức Chơn tánh. Văn dưới nói “Tướng của thế gian thường trụ há không phải sanh tử kia là Pháp thân chẳng! Phiền não tức Quán chiếu thì Quán chiếu vốn chiếu soi “hoặc chướng” và nếu không có “hoặc” thì không có chiếu soi” tất cả các pháp là trống rỗng không. Văn kinh nói “các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng” tức phiền não là Quán chiếu và chiếu soi như củi phát sinh ra lửa. Văn kinh nói “đối với các Phật ở quá khứ, nếu có người nghe một câu, đều trở thành Phật đạo”. Lại nói “thấu rõ tướng tội phước, chiếu khắp cả mười phương” tức là nghe đối với thể mà thấu, đạt sự câu: diệu của phiền não. Trợ giúp thành tựu tức nghiệp đạo có nghĩa ác là trợ giúp

của Thiện, không có ác thì không có thiện. Văn kinh nói “quỷ ác nhập tâm người, chưởi mắng hủy nhục ta, chúng ta nhờ đến Phật, đều nhân sự việc ấy”. Nếu ác không đến bức bách thì không cần phải dùng niệm chế phục còn như dùng niệm chế phục là do có ác gia tăng v.v... Lại nữa, tại chỗ của Phật Oai Âm vương, các chúng chấp trước pháp nên khi nghe Bất Khinh nói mà chưởi mắng đánh đập. Do ác nghiệp ấy, nên lại gặp Bất Khinh và được Bất Khinh giáo hóa khiến đều đạt đến “bất thoái”. Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa là thiện tri thức thì há chẳng phải ác tức là trợ giúp thành tựu! Ba phép tắc tức ba đường chính làm lý tánh. Hành ở trong “phi đạo” mà đạt được Phật đạo. Năm phẩm quán hạnh hành trong chẳng phải đạo mà thông đạt Phật đạo. Sáu căn thanh tịnh tương tự hành ở trong chẳng phải đạo mà thông đạt Phật đạo. Thập Trụ trở đi tức là “phần chơn”, hành ở trong phi đạo mà thông đạt Phật đạo. Diệu giác rốt ráo hành ở trong phi đạo mà thông đạt Phật đạo v.v...

Phân loại thông suốt ba thức nghĩa là Am-ma-la thức tức phép tắc của Chơn tánh, A-lại-da thức tức phép tắc của Quán chiếu, A-đà-na thức tức phép tắc của trợ giúp thành tựu. Nếu người của Địa Luận nói rõ A-lại-da tức là chơn thường tịnh thức thu nhiếp thì người của Luận đại thừa nói đó là Thức của vô ký, vô minh tùy miên, cũng gọi là “Vô một thức”. Thức thứ chín còn gọi là Tịnh thức; và cùng nhau tranh luận v.v... Nay theo thông lệ là lấy gần so sánh xa. Như tâm của một người quyết định thế nào? Nếu làm thiện là thiện thức, nếu làm ác là ác thức, nếu không thiện không ác là vô ký thức. Ba thức này đâu thể chấp nhận tức thời giống như nước với lửa? Như nói trái với thiện là ác, trái với ác là thiện, còn trái với thiện và ác là vô ký. Đây chỉ là ba trạng thái tâm của một người đó thôi! Ba thức cũng nên như vậy. Nếu trong A-lại-da có hạt giống của sanh tử huân tập tăng trưởng tức trở thành “Phân biệt thức”. Nếu trong A-lại-da có hạt giống của trí tuệ khiến nghe huân tập tăng trưởng thì chuyển nương tựa thành Chơn như của Đạo sau gọi là Tịnh thức. Nếu khác với hai thức này tức chỉ là A-lại-da thức. Đây cũng từ một pháp mà luận thành ba và trong ba pháp mà luận thành một. Nhiếp Luận nói “như đất, vàng nhiễm tịnh. Nhiễm là dụ cho sáu thức, vàng là dụ cho Tịnh thức, đất là dụ cho A-lại-da thức”. Đã nói rõ văn tại nơi ấy cần gì phải khổ nhọc tranh luận? Văn dưới nói “ví như có người đến nhà bạn thân uống rượu say rồi nằm lăn ra đó” thì há chẳng phải A-lại-da thức sao! Sự cuồng loạn mê hoặc của thế gian là do thức phân biệt khởi lên. “Rồi ra đi khắp nơi tìm cầu ăn mặc” há chẳng phải A-đà-na thức sao! Nghe huân tập chủng tử khiến dần dần tăng trưởng. “Gặp lại

bạn thân chỉ ra châu báu trong chéo áo” thì há chẳng phải là Am-ma-la thức sao? Am-ma-la thức còn gọi là trí quang vô phân biệt. Nếu trong A-lại-da có hạt giống của trí này thì tức là trí quang vô phân biệt của lý tánh. Năm phẩm quán hành có trí quang vô phân biệt; sáu căn thanh tịnh có tướng tự “trí quang vô phân biệt”. Sơ trụ với trí quang vô phân biệt, Diệu giác rốt ráo trí quang vô phân biệt, diệu và thô v.v...

Phân loại thông suốt ba Phật tánh nghĩa là phép tắc Chơn tánh tức là tánh của chánh nhân; phép tắc Quán chiếu tức là tánh của liễu nhân, phép tắc trợ giúp thành tựu tức là tánh của duyên nhân. Do đó, văn dưới nói “nó thiệt là con ta, ta thiệt là cha nó” tức là tánh của chánh nhân. Lại nói “ta xưa dạy ông về đạo vô thượng, tất cả trí nguyện còn tồn tại mà không mất”. Trí tức là tánh của “liễu nhân”, nguyện tức là tánh của nhân duyên. Lại nói “ta không dám khinh các người vì các người đều sẽ thành Phật” tức là tánh của “chánh nhân”. “Bấy giờ bốn chúng vì đọc tụng các kinh” tức là tánh của “liễu nhân”. “Tu các công đức” tức là tánh của duyên nhân. Lại nói “các con của trưởng giả hoặc mười, hai mươi cho đến ba mươi người” tức chỉ cho ba loại Phật tánh. Lại nói “nhiều loại nghĩa của tánh tướng Ta đều thấy biết”. Đã nói nhiều loại tánh tức có ba loại Phật tánh. Nếu biết ba phép tắc tức thấu suốt ba Phật tánh đó gọi là lý Phật tánh. Năm phẩm quán hạnh thấy được Phật tánh, bậc sáu căn thanh tịnh, tướng tự thấy Phật tánh, hàng Thập Trụ cho đến Đẳng giác là phần chơn thấy được Phật tánh. Diệu giác cứu kính thấy Phật tánh cho nên gọi là diệu v.v...

Phân loại thông suốt ba thứ Bát-nhã nghĩa là: Chơn tánh tức Thật tướng Bát-nhã, Quán chiếu là Quán chiếu, Bát-nhã, trợ giúp thành tựu là văn tự Bát-nhã, đầy đủ sắc thái vi diệu của cảnh, trí, hạnh như trên giải thích. Do đó văn dưới nói “thôi thôi không nên nói nữa vì pháp vi diệu của ta khó mà nghĩ bàn”. Lại nói “pháp ấy không thể chỉ ra, tướng ngôn từ vắng lặng” tức là Thật tướng Bát-nhã. “Ta và mười phương chư Phật mới có thể biết được tướng ấy, chỉ có Phật cùng Phật mới có khả năng hiểu rốt ráo”, lại nói “chỗ đạt được trí tuệ của ta là vi diệu bậc nhất” tức là Quán chiếu Bát-nhã. Lại nói “Ta thường biết chúng sanh hành đạo chẳng hành đạo, tùy chỗ ứng hiện độ, vì nói nhiều loại pháp, dùng chừng ấy ngôn từ, tùy nghi phương tiện nói “tức là văn tự Bát-nhã. Lại nói “tri kiến của Như Lai rộng lớn và sâu xa” thì rộng lớn và sâu xa tức là Thật tướng Bát-nhã. “Tri kiến của Như Lai xứng với rộng lớn sâu xa” tức là Quán chiếu Bát-nhã. Nếu nói “phương tiện tri kiến đều đã đầy đủ” tức là văn tự Bát-nhã, cho nên biết ba phép tắc cũng là tên

khác của ba loại Bát-nhã. Nếu ba trí ở tại ba tâm trực thuộc ba người thì gọi là thô. Nếu ba trí ở tại trong một tâm, không giới hạn dọc ngang thì đó chính là diệu lý. Năm phẩm quán hành ba thứ Bát-nhã, sáu căn thanh tịnh tức tương tự ba loại Bát-nhã, phần chơn thật của bốn mươi tâm tương ứng ba loại Bát-nhã, Diệu giác rốt ráo ba loại Bát-nhã.

Phân loại thông suốt ba loại Bồ-đề: Phép tắc của Chơn tánh tức Thật tướng Bồ-đề, Quán chiếu tức là thật trí Bồ-đề, phép tắc của trợ giúp thành tựu tức là phương tiện Bồ-đề. Do đó, văn kinh dưới nói “ta trước không nói các ông đều đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, không giống như ba cõi” tức là Thật tướng Bồ-đề. “Từ Ta thành Phật đến nay rất lâu xa” tức là thật trí Bồ-đề. “Ta nói từ nhỏ xuất gia gần thành già da mà được tam-bồ-Đề” tức là phương tiện Bồ-đề. Nếu xét theo ở hàng đệ tử mà nói rõ ba thứ Bồ-đề thì “nếu ta gặp chúng sanh, dùng Phật đạo giáo hóa họ” tức là Thật tướng Bồ-đề hay “an trụ trong thật trí. Ta quyết sẽ làm Phật”. Lại nói “Phật tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật” hay “ngồi trên xe báu ấy, thẳng tiến đến đạo tràng” tức là tu thành tựu thật trí Bồ-đề. “Trao truyền tám tướng thọ ký” tức là phương tiện Bồ-đề. “Chẳng phải một, chẳng phải khác” thì gọi đó làm “như”. Nếu không quyết hiểu rõ thì gọi là “thô”. Nếu quyết hiểu rõ thì gọi là diệu hay lý tánh Bồ-đề của tất cả chúng sanh. Hàng “năm phẩm” là danh tự Bồ-đề, bậc sáu căn thanh tịnh là tương tự Bồ-đề, địa vị bốn mươi một tâm là phần chơn Bồ-đề, Diệu giác rốt ráo là cứu cánh v.v..

Phân loại thông suốt ba thứ đại thừa nghĩa là Chơn tánh tức lý thừa, Quán chiếu tức “tùy thừa”, trợ giúp thành tựu tức là “Đắc thừa”. Văn kinh dưới nói “Phật tự trụ ở đại thừa như pháp đã chứng đắc của mình với lực định tuệ trang nghiêm”. Trụ đại thừa tức là lý, lực định tuệ trang nghiêm tức là “tùy”, pháp đã đắc tức là “đắc”. Phật tự trụ đại thừa tức là “lý”, “ở đạo tràng biết rồi” tức là “tùy”, “Bậc đạo sư phương tiện nói” tức là “đắc”. “Lại nữa, Xá lợi phất! Ta vì bốn nguyện nên nói ba thừa pháp” tức là “đắc” và “tùy”. “Lại nữa, thừa này thanh tịnh, vi diệu bậc nhất” tức là “lý”. “Phân biệt nói thành ba” tức là “đắc” và “tùy”. Nếu không có giới hạn dọc ngang thì diệu khai mở thô diệu trải qua bảy vị v.v... Năm phẩm gọi là thừa danh tự. Sáu căn thanh tịnh là thừa tương tự. Địa vị bốn mươi một tâm là thừa phần chơn. Diệu giác là thừa cứu cánh v.v..

Phân loại thông suốt ba thân nghĩa là phép tắc của Chơn tánh tức Pháp thân, Quán chiếu tức là Báo thân, nương tựa thành tựu tức là Ứng

thân. Kinh Tân Kim Quang Minh nói “nương vào Pháp thân mà có Báo thân, nương vào Báo thân mà có được Ứng thân”. Đây tức là như trước đã nói rõ: Nương vào diệu cảnh mà có được diệu trí, nương vào diệu trí mà có được diệu hạnh. Văn kinh nói “Pháp thân chơn thật của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước; Báo thân tức là trăng trên trời”. Văn này nói “Phật tự an trú trong đại thừa” tức là thân Thật tướng, “giống như hư không với lực định tuệ trang nghiêm” thì tuệ tương tự với mặt trăng trên trời còn định như trăng trong nước. Lại nói “chỉ có Phật cùng Phật mới thấu suốt Thật tướng của các pháp” tức là Pháp thân. “Trí tuệ của ta đạt được vi diệu bậc nhất” tức là Báo thân. “Danh xưng rộng khắp” tức là Ứng thân. “Lại chẳng sanh, hiện sanh v.v...” là Ứng thân. “Hoặc thị hiện thân mình” tức là Pháp thân và Báo thân. “Hoặc thị hiện thân khác” tức là báo và Ứng thân. “Ta dùng tướng trang nghiêm thân với ánh sáng chiếu soi khắp mười phương vì nói ẩn thật tướng” thì “ẩn Thật tướng” tức là Pháp thân, Chiếu khắp mười phương là Ứng thân; tướng trang nghiêm thân là Báo thân. “Lại thấu đạt tướng tội phước, chiếu khắp cả mười phương” tức là Báo thân. “Pháp thân vi diệu thanh tịnh” tức là Pháp thân. “Đây đủ ba mươi hai tướng” tức là Ứng thân. Ba phép tắc đứng về tên gọi thì khác nhưng nghĩa thì đồng với ba thân. Cho nên, Phổ Hiền Quán nói “ba thân của Phật từ Phương đẳng mà nêu ra”. Luận Pháp Giới Tánh nói “thủy ngân hòa với vàng thật có thể dùng bôi lên các sắc tượng. Công đức hòa với Pháp thân đều qua lại ứng hiện khắp nơi. Nếu ba thân này không có giới hạn ngang dọc thì diệu quyết rõ ba thân mà nhập vào Pháp thân vi diệu trải qua bảy địa vị vi diệu v.v...”

Phân loại thông suốt ba Niết-bàn nghĩa là: Người của Địa Luận nói: “chỉ có tánh thanh tịnh và phương tiện thanh tịnh”. Thật tướng gọi là tánh thanh tịnh của Niết-bàn. Tu nhân thành tựu là phương tiện thanh tịnh của Niết-bàn”. Nay lấy lý tánh làm tánh thanh tịnh của Niết-bàn và tu nhân thành Niết-bàn làm sự thanh tịnh viên mãn. Điều này chỉ thuận tiện cho nghĩa “củi hết lửa tắt” làm phương tiện thanh tịnh của Niết-bàn. Văn này, lại tùy tiện dùng tu nhân thành tựu làm phương tiện thanh tịnh của Niết-bàn thì lấy “củi hết, lửa tắt” làm những Niết-bàn nào? Do vậy nên biết phải có ba loại Niết-bàn. Ba loại Niết-bàn ấy tức là ba phép tắc. Văn kinh nói “pháp ấy không thể chỉ ra, tướng ngôn từ vắng lặng”, Lại nói “các pháp xưa nay tướng thường vắng lặng tức là tánh thanh tịnh của Niết-bàn. Lại nói “đều dùng sự diệt độ của Như Lai mà diệt độ cho họ” tức là Niết-bàn thanh tịnh viên mãn. Lại nói “từ Ta

thành Phật đến nay thật rất lâu xa” tức lâu tu mới đạt được tuệ quang chiếu soi vô lượng. Cũng chính là Niết-bàn thanh tịnh viên mãn. “Luôn luôn nói sanh, nơi nơi hiện diệt, vào đêm nay sẽ diệt độ như củi hết lửa tắt” há chẳng phải phương tiện thanh tịnh của Niết-bàn sao! Đầu đề của Đại kinh gọi là Đại Niết-bàn và được phiên dịch là Đại diệt độ. Đại là tánh rộng lớn của Niết-bàn tức căn cứ vào tánh thanh tịnh. Độ là đi đến bờ giác ngộ với trí tuệ viên mãn tức căn cứ vào sự thanh tịnh viên mãn. Diệt là vĩnh viễn đoạn sạch phiền não khiến “Đoạn đức” thành tựu tức căn cứ vào phương tiện thanh tịnh. Ba loại Niết-bàn này tức là ba phép tắc.

Phân loại thông suốt ba ngôi báu: trong nhất thể nghĩa là Chơn tánh tức Pháp bảo, Quán chiếu tức Phật bảo, trợ giúp thành tựu tức Tăng bảo. Vì Pháp tánh bất động gọi là “bất giác”. Trí tuệ của Phật khế hợp với lý cho nên gọi là “giác”. Do sự hòa, lý hòa hợp cho nên Tăng gọi là “hòa hợp”. Kinh Tư Ích nói “tri giác gọi là Phật, biết xa lìa gọi là pháp; biết không có gọi là Tăng”. Đây là một thể của Tam bảo. Văn kinh dưới nói “Phật tự an trú ở trong đại thừa” thì Phật là Phật bảo, đại thừa là Pháp bảo; “như pháp sở đắc của Phật mà lấy đó hóa độ chúng sanh tức cùng với lý hòa hợp, lại hòa hợp với chúng sanh tức là Tăng bảo. “tướng thế gian thường trụ” gọi là Pháp bảo. “Ở trong đạo tràng mà biết rồi” tức là Phật bảo. “Đạo sư phương tiện nói “trên hòa hợp với lý, dưới hợp với chúng sanh, hòa hợp tức là Tăng bảo. Nhất thể của ba ngôi báu chẳng phải một của một, không là ba của ba. Ba và một này không có giới hạn ngang dọc v.v... cho nên gọi đó là diệu và trải qua bảy vị v.v...

Phân loại thông suốt ba đức là như Đại kinh nói “ba đức cùng thành tựu đại Niết-bàn”. Ba phép tắc của kinh này cùng thành tựu đại thừa. Kia nói rõ đức của Pháp thân, ở đây nói Thật tướng. Kia nói “Phật tánh cũng một, tất cả chúng sanh đều là một thừa” cũng chỉ có Thật tướng làm một thừa. Chỗ kia nói đức Bát-nhã, kinh này nói “môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập, Trí tuệ của ta đã chứng đắc thật vi diệu bậc nhất cho đến quyết rõ pháp Thanh văn là vua trong các kinh” tức cũng đều là Bát-nhã. Kinh kia nói “đức giải thoát nhưng kinh này nói: luôn luôn thị hiện sanh, hiện diệt tùy nơi chỗ mà điều phục chúng sanh, tự mình đã không có ràng buộc nên khiến mọi người giải thoát cho đến thu nhiếp công đức trong vạn sự thiện thủy đều chứng quả” thì há chẳng phải giải thoát sao! Hai kinh đều có nghĩa hợp nhau nhưng lại uổng công đeo đuổi lệ thuộc tên gọi mà hiểu khác biệt! Ví như nghe tên Thiên đế mà không

biết Kiêu Thi, chỉ biết văn nói Phật tánh, Niết-bàn mà không hiểu biết Song thọ có tôn chỉ của một thừa. Văn kia trực tiếp nói Phật tánh cũng một và một ấy là một thừa. Nhưng có người nói “Đây là nhất thừa của Niết-bàn tức Phật tánh còn nhất thừa của Pháp Hoa chẳng phải Phật tánh”. Nếu nói Pháp Hoa không có nêu ra Phật tánh thì kinh Niết-bàn không nên xa chỉ ra mà nói “tám ngàn Thanh văn ở trong hội Pháp Hoa được thọ ký”. Như mùa thu thu hoạch, mùa đông, tàng trữ. Lại thấy tánh của Như Lai không còn tác dụng gì mà có người nói “Niết-bàn có văn tự chỉ xa Phật tánh này, nhưng thực ra trong Pháp Hoa không có lời nào nói đến Phật tánh”. Nay căn cứ vào văn kinh Pháp Hoa nói: “nhiều loại nghĩa tánh tướng mà ta đều đã thấy...” đã nói nhiều loại thì cứ sao riêng giản lược ở Phật tánh ư! Lại nữa “tướng của thế gian thường trụ” hay “ở trong đạo tràng biết rồi”, “Bậc Đạo sư phương tiện nói” há chẳng phải là văn nói Phật tánh! Luận nói “nước Phật tánh”, “Thường Bất Khinh biết chúng sanh có Phật tánh”. Lại nữa ba đức của Niết-bàn làm tạng bí mật; “an trú các người vào trong tạng bí mật và ta cũng không lâu sẽ nhập vào trong đó” thì tức là mình và người đều hội nhập tạng bí mật. Kinh này nói “Phật tự an trú trong đại thừa, dùng điều đó độ chúng sanh sau cùng không dùng tiểu thừa tế độ chúng sanh, đều dùng sự diệt độ của Như lai mà diệt độ Như vậy, người và mình đều hội nhập sự diệt độ của Như Lai. Diệt độ là chỉ cho Niết-bàn và Niết-bàn chính là tạng bí mật. Thích Luận nói “Pháp Hoa là tạng bí mật”. Như vậy văn nghĩa của hai kinh rõ ràng thường đồng nhau thì cứ sao nhiều người cứ khăng khăng cho là khác! Nếu văn nghĩa cách biệt mà tạo ra tư tưởng đồng thì không có lỗi. Nay văn nghĩa vốn hòa hợp mà tách li thì được phước gì! Chỉ là Niết-bàn lấy Phật tánh làm tông, chỉ mà chẳng phải không nói rõ nghĩa của một thừa. Nay kinh Pháp Hoa lấy một thừa làm tông chỉ mà chẳng phải không nêu ra nghĩa Phật tánh. Vì ứng cơ mà nói khác chứ nghĩa ấy thường thông suốt. Nếu ba đức còn trong giới hạn ngang dọc tức là thô nếu không có giới hạn ngang dọc tức là diệu, trải qua bảy vị v.v...

7. Giản lược theo nghĩa Tất đàn được trình bày như sau: Hỏi: Mười loại ba pháp và tất cả điều còn lại đều nằm trong ba phép tắc nghĩa là chỉ có ba phép tắc vậy ý gì lại nói khác biệt? Đáp: Do tùy vào căn cơ chúng sanh bất đồng nên mới thiết lập cho thích hợp mà dẫn ra phương tiện Tất-đàn. Tùy vào Tục đế nên khác, vì xứng hợp tiện nghi nên khác tùy vào đối trị nên khác, khiến người nhập vào đạo nên có khác. Tuy sáng ba chiều bốn nhưng khéo léo vỗ về chúng khiến đều được vừa ý.

Vì thích nghi thời mà khổ công tưới nước rửa sạch, nuôi dưỡng hạnh Anh nhi, khéo léo ứng cơ nên dùng các phương tiện “vuông tròn” giúp đỡ muôn sanh. Ví như ngàn xe mà cùng dấu vết thì há giữ lấy một mà nghi nhiều!. Nay thông suốt dùng bốn Tất đàn trải qua mười pháp để luận về diệu và không diệu, đầy đủ nói ba phép tắc cùng thành tựu đại thừa. Trong đại thừa vốn có đủ ba pháp và tất cả pháp. Nếu không hỗn loạn lẫn nhau thì gọi là thế giới Tất đàn. Nếu trợ giúp thành tựu phát khởi trí tuệ để sanh thiện pháp thì gọi là “Vị nhưn Tất đàn”. Vì Quán chiếu phá hoặc và các ác pháp diệt mất nên gọi là Đối trị Tất đàn. Riêng thật lý của Chơn tánh thì gọi đó là Đệ nhất nghĩa Tất đàn. Một giai đoạn thích nghi với căn cơ chúng sanh nên dùng tên gọi đại thừa mà nói khiến được bốn thứ lợi ích. Đầy đủ nói ba đức làm đại Niết-bàn, tuy ba điểm trên, dưới nhưng không có bấn loạn, biểu hiện trong đó mà không có xáo động. Một không loạn, ba không lia nhau tức là thế giới Tất đàn. Thiện lợi và tai ương không có can phạm mà được vượt trội lên lụy phiền cho nên giải thoát tức Vị nhưn Tất đàn. Bát-nhã như kim cương tùy chỗ thực hiện đều phá nát tức là Đối trị Tất đàn. Pháp thân tức là Đệ nhất nghĩa. Một giai đoạn chúng sanh nghe tên gọi Ba đức liền đạt được bốn thứ lợi ích. Điều này, trước, sau và trung gian đều theo thông lệ như thế. Kế đến nói rõ diệu và không diệu. Luận nói “ba Tất đàn là Thế đế, vì tâm sở, hành xứ có thể phá, có thể hoại. Đệ nhất nghĩa Tất đàn là tâm bất hành xứ. Tâm của Thánh nhưn và chư Phật đã đắc pháp không thể phá và hoại tức là Chơn đế. Nếu như vậy thì so sánh bốn Tất đàn làm chỗ thu nhiếp của hai đế nhưng lại có trung đạo nói thu nhiếp thế nào? Nếu không thu nhiếp Trung đạo chỉ là ý của Thông giáo và Tam tạng. Tất đàn này là thô. Nay nói Tục đế có, mà Chơn đế không có là pháp ngăn cách khác biệt nên tâm sở hành xứ của Ba Tất đàn có thể phá có thể hoại. “Đệ nhất nghĩa trung đạo” chẳng phải có, chẳng phải không, có và không bất nhị tức không có ngăn cách khác biệt. Do không khác nên là Chơn đế. Ba Tất đàn trước chỉ thông suốt đưa đến “hóa thành” mà “hóa thành” chẳng phải thật cho nên có thể hủy hoại nên gọi là “thô”. Nay trung đạo không khác, lại thông suốt dẫn đến bảo sở, không có gì vượt qua, không mất đi và không thể huỷ hoại cho nên gọi là diệu. Nếu kinh khác nói trung đạo, Đệ nhất nghĩa Tất đàn thì cùng với kinh này không sai khác. Nhưng kinh khác lấy sở đắc của A-la-hán làm Đệ nhất nghĩa Tất đàn cho nên không thể gọi là diệu. Kinh này nói xả bỏ ngay phương tiện chỉ có bốn Tất đàn chân thật viên dung cho nên gọi là diệu. Nếu không quyết định đưa ba Tất đàn nhập vào Đệ nhất nghĩa thì gọi

là thô. Nếu quyết định mỗi mỗi Tất đàn đều có Đệ nhất nghĩa thì gọi là diệu. Năm phẩm đệ tử chỉ gọi là giả danh Tất đàn, bậc sáu căn thanh tịnh thì gọi là tương tự Tất đàn, từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác thì được gọi phần chơn Tất đàn. Riêng bậc Diệu giác rớt ráo cả bốn Tất đàn cho nên gọi là diệu. Năm phần này nói rõ diệu tức từ nhân đến quả để biện rõ diệu hạnh của tự thân còn một nữa thì tương tự ngọc như ý.

